

## THỰC TIỄN ÁP DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ Ở CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA Ở VIỆT NAM

### THE PRACTICE OF APPLYING ELECTRONIC INVOICES IN SOME COUNTRIES IN THE WORLD AND SOME PROBLEMS IN VIETNAM

Ngày nhận bài : 15.3.2022  
Ngày nhận kết quả phân biện : 12.4.2022  
Ngày duyệt đăng : 28.4.2022

ThS. Đỗ Cao Thị Ngân Triều  
Trường Đại học Tài chính - Kế toán

#### TÓM TẮT

Hóa đơn điện tử là một xu thế tất yếu trong thời đại cách mạng công nghệ 4.0, nó mang lại nhiều lợi ích cho các doanh nghiệp và cơ quan quản lý. Hiện nay, hóa đơn điện tử ngày càng được áp dụng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Trong bài viết này, tác giả nghiên cứu thực tiễn áp dụng hóa đơn điện tử của các nước trên thế giới, cũng như tại Việt Nam; nêu lên những vấn đề đặt ra ở Việt Nam và đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh áp dụng hóa đơn điện tử trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Hóa đơn điện tử, doanh nghiệp

#### ABSTRACT

E-invoices are an inevitable trend in the era of industrial revolution 4.0 because it brings many benefits to businesses and management agencies. Currently, electronic invoices are increasingly applied in almost countries all over the world, including Vietnam. In this paper, the author researches the application of electronic invoices in reality in some countries in the world, as well as in Vietnam; presents some challenges in Vietnam and proposes some solutions to promote the application of e-invoices in the future.

**Keywords:** E-invoices, businesses

#### 1. Đặt vấn đề

Cùng với sự bùng nổ của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 thì việc triển khai áp dụng hóa đơn điện tử (HĐĐT) là yêu cầu tất yếu của hệ thống thương mại điện tử hiện đại. HĐĐT là giải pháp cho các doanh nghiệp (DN) trong thời đại kinh tế số, giúp tiết kiệm được thời gian, chi phí, thúc đẩy phát triển thương mại điện tử. Việc triển khai áp dụng rộng rãi HĐĐT đem lại môi trường kinh doanh hiện đại, minh bạch, tạo cơ hội kinh doanh, hợp tác cho các DN trên toàn cầu.

Hiện nay, hầu hết các nước phát triển trên thế giới đã áp dụng HĐĐT. Và nước ta cũng đang nỗ lực áp dụng HĐĐT trên phạm vi toàn quốc. Điều này được thể hiện thông qua việc Nhà nước đã ban hành Nghị định số 119/2020 quy định bắt buộc sử dụng HĐĐT từ ngày 01/11/2020. Tuy nhiên, đến Nghị định số 123/2020/NĐ-CP đã phải lùi thời điểm bắt buộc sử dụng HĐĐT đến ngày 01/07/2022. Điều đó cho thấy, HĐĐT mang lại nhiều lợi ích tích cực nhưng việc triển khai áp dụng nó trong thực tế không phải dễ dàng. DN gặp không ít khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng HĐĐT. Do vậy, trong bài viết này, tác giả nghiên cứu thực tiễn áp dụng HĐĐT của các nước trên thế giới, cũng như tình hình áp dụng HĐĐT ở Việt Nam và những khó khăn, bất cập trong quá trình áp dụng. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm triển khai HĐĐT hiệu quả hơn trong thời gian tới.

#### 2. Thực tiễn áp dụng hóa đơn điện tử ở các nước trên thế giới

HĐĐT ngày càng được áp dụng rộng rãi nhằm mang lại nhiều tiện ích cho người sử dụng. Theo nghiên cứu của Viện Chiến lược và Chính sách Tài chính, các quốc gia trên thế giới đã triển khai HĐĐT từ lâu nhưng phương thức áp dụng HĐĐT của các nước là rất khác nhau, cụ thể:

Tại Châu Âu, HĐĐT được sử dụng từ rất sớm. Trong đó phải kể đến Thụy Điển, Phần Lan, Na Uy,

Đan Mạch là những quốc gia đầu tiên kết hợp lập HÐĐT, đi trước các Chi thị của Châu Âu về vấn đề này. Đến năm 2014, Liên minh Châu Âu mới ban hành một số Chi thị yêu cầu các cơ quan chính quyền ở 28 quốc gia thành viên sử dụng HÐĐT trong giao dịch B2G (giữa DN và Chính phủ).

Đan Mạch là quốc gia tiên phong trong việc sử dụng HÐĐT. Kể từ năm 2005, các cơ quan hành chính nhà nước cũng như các nhà cung cấp của họ bắt buộc phải phát hành HÐĐT. Năm 2007, Chính phủ Đan Mạch đã tạo ra cơ sở hạ tầng riêng cho việc trao đổi HÐĐT có tên là NemHandel, tiền thân của mạng PEPPOL toàn châu Âu hiện nay. PEPPOL - Mạng mua sắm công trực tuyến liên Châu Âu - là sáng kiến của Ủy ban Châu Âu được tạo ra nhằm đơn giản hóa các quy trình mua sắm công và thúc đẩy thương mại xuyên biên giới giữa các nước thuộc Liên minh Châu Âu. PEPPOL được tạo thành từ một loạt các công cụ nhằm tiêu chuẩn hóa việc trao đổi các chứng từ thương mại giữa các cơ quan hành chính Châu Âu khác nhau. Theo kế hoạch đến năm 2023, các tổ chức công ở Đan Mạch sẽ thực hiện mua hàng điện tử bằng cách sử dụng danh mục điện tử và đơn đặt hàng điện tử đối với một số loại hàng hóa. Trong lĩnh vực B2B (giao dịch giữa DN với DN), các công ty có quyền tự do sử dụng HÐĐT theo thỏa thuận của hai bên.

Ở Thụy Điển, hành chính công là lĩnh vực mà HÐĐT được sử dụng phổ biến nhất. Ngay từ năm 2008, Chính phủ Thụy Điển đã quy định bắt buộc việc phát hành HÐĐT đối với các cơ quan nhà nước. Đến năm 2019, yêu cầu này đã được mở rộng đối với phần còn lại của các cơ quan hành chính, nhà cung cấp khu vực và thành phố trực thuộc Trung ương, theo các yêu cầu của Chi thị Châu Âu về mua sắm công. Các nhà cung cấp dịch vụ công phải gửi HÐĐT thông qua mạng PEPPOL, nơi tất cả các cơ quan hành chính nhà nước được đăng ký là người nhận. Nếu nhà cung cấp không tuân thủ các yêu cầu về lập HÐĐT buộc, nhà cung cấp đó có thể bị xử phạt bởi DIGG - cơ quan chịu trách nhiệm số hóa các cơ quan hành chính công của Thụy Điển và cũng là cơ quan PEPPOL Thụy Điển. Còn trong khu vực tư nhân, các công ty có thể trao đổi HÐĐT trên cơ sở tự nguyện.

Na Uy cũng là một trong những quốc gia Châu Âu đầu tiên bắt buộc sử dụng HÐĐT trong lĩnh vực B2G (giao dịch giữa DN và Chính phủ). Kể từ năm 2011, các cơ quan hành chính Trung ương bắt buộc phải có HÐĐT và các nhà cung cấp dịch vụ công bắt buộc phải phát hành HÐĐT kể từ năm 2012. Đến năm 2019, tất cả các cơ quan hành chính nhà nước cũng như các nhà cung cấp bắt buộc phải trao đổi HÐĐT. Các cơ quan hành chính nhà nước phải nhận được hóa đơn trên mạng PEPPOL. Để có thể gửi và nhận HÐĐT thông qua mạng PEPPOL, các nhà cung cấp và cơ quan hành chính công phải được đăng ký với Sở đăng ký địa chỉ người nhận điện tử (ELMA), đóng vai trò là nhà xuất bản siêu dữ liệu dịch vụ (SMP) cho mạng PEPPOL ở Na Uy. Trong khu vực tư nhân, mặc dù chưa có các chính sách bắt buộc nhưng HÐĐT đang được các công ty áp dụng rộng rãi.

Trong khi đó, các quốc gia ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đang ở các giai đoạn khác nhau trong việc triển khai HÐĐT nhằm tạo điều kiện cho việc tuân thủ thuế và cải thiện số thu thuế, cụ thể ở một số nước như sau:

Tại Singapore, vào năm 2008, Chính phủ đã quyết định phát triển hệ thống lập HÐĐT sử dụng các tiêu chuẩn Châu Âu và cơ sở hạ tầng PEPPOL với mục đích thúc đẩy thương mại quốc tế. Singapore trở thành quốc gia đầu tiên bên ngoài Châu Âu sử dụng mạng PEPPOL để trao đổi HÐĐT giữa các DN tư nhân. Cơ quan PEPPOL của quốc gia, IMDA, chịu trách nhiệm chỉ định các điểm truy cập và xác định các thông số kỹ thuật cho hệ thống lập HÐĐT. Các công ty muốn lập HÐĐT ở Singapore phải có điểm truy cập được công nhận và hệ thống lập HÐĐT có khả năng gửi hóa đơn theo tiêu chuẩn PEPPOL. Để thúc đẩy lập HÐĐT ở Singapore, cơ quan chịu trách nhiệm về hệ thống lập HÐĐT của nước này, IMDA, đã triển khai các khoản tài trợ chi phí cho các công ty đăng ký lập HÐĐT.

Hàn Quốc đã yêu cầu áp dụng toàn bộ HÐĐT đối với B2G (giữa DN và Chính phủ) và B2B (giữa DN với DN) vào năm 2010. Đối với các DN và cá nhân khác, trước đây việc sử dụng HÐĐT được áp dụng đối với một số nhóm đối tượng nhất định. Tuy nhiên, sau đó việc áp dụng HÐĐT được áp dụng bắt

buộc đối với DN từ năm 2011. Riêng đối với cá nhân kinh doanh thì HĐĐT được áp dụng theo ngưỡng doanh thu và ngưỡng này được điều chỉnh giảm dần: từ năm 2012 là 1 tỷ KRW (khoảng 910 ngàn đô la Mỹ) và từ 01/07/2014 là 300 triệu KRW (tương đương khoảng 270 ngàn đô la). DN muốn xuất hóa đơn thuế trước hết phải có chứng thư số. Khi xuất HĐĐT phải có hồ sơ đăng ký thuế để khớp với hóa đơn của khách hàng. Hóa đơn được gửi cho khách hàng qua e-mail. Đồng thời, HĐĐT phải được gửi đến Dịch vụ Thuế Quốc gia (NTS). Trường hợp nhà cung cấp không xuất HĐĐT hoặc xuất theo hình thức khác thì hai bên ký hợp đồng phải chịu phạt 2% giá trị hàng giao. Nếu nhà cung cấp không gửi HĐĐT đã phát hành cho NTS chậm nhất vào ngày 10 của tháng tiếp theo, sẽ bị phạt 1% giá trị hàng giao.

Tương tự, Thái Lan cũng bước đầu triển khai HĐĐT vào năm 2012. Đến năm 2016, Chính phủ nước này đã ban hành chiến lược phát triển quốc gia “Thailand 4.0” với hai mục tiêu chính yếu là phát triển nền kinh tế thành nền kinh tế kỹ thuật số và trở thành quốc gia phát triển vào năm 2032. Để đạt được mục tiêu đó, Chính phủ Thái Lan đã khuyến khích áp dụng HĐĐT một cách rộng rãi. HĐĐT phải có hai chữ ký số được tạo bởi các phương tiện quy định và được hỗ trợ bởi chứng chỉ và sổ chứng chỉ của người ký. Mã số này được cấp bởi tổ chức chứng nhận đã được phê duyệt của cơ quan thuế. HĐĐT nhất thiết phải có các dữ liệu sau: tên và địa chỉ của khách hàng, giá hàng hóa hoặc dịch vụ và số thuế GTGT. Hàng tháng, dữ liệu này phải được kết xuất và truyền cho cơ quan thuế Thái Lan.

Có thể thấy, việc áp dụng HĐĐT ở các quốc gia là rất khác nhau, tùy thuộc vào mục tiêu cải cách thuế, bối cảnh và thực tế quản lý thuế của quốc gia đó. Nhưng nhìn chung, lộ trình áp dụng HĐĐT ở các quốc gia đều đi theo hướng tiếp cận từng bước để thúc đẩy dần sự chuyển đổi từ hóa đơn giấy sang HĐĐT. Các quốc gia thực hiện lộ trình áp dụng tự nguyện ở giai đoạn đầu, tiếp đến là áp dụng bắt buộc HĐĐT đối với từng nhóm đối tượng DN và tiến đến thực hiện bắt buộc rộng rãi đối với tất cả DN.

### **3. Thực tiễn áp dụng hóa đơn điện tử ở Việt Nam hiện nay**

#### ***3.1. Khung pháp lý quy định về HĐĐT ở Việt Nam***

Cũng như các nước trên thế giới, Việt Nam tiếp cận HĐĐT từng bước theo lộ trình. Nhà nước đã xây dựng khuôn khổ pháp lý đồng bộ và ngày càng hoàn thiện để tạo cơ sở pháp lý cho các giao dịch điện tử nói chung và sử dụng HĐĐT nói riêng. Năm 2010, Chính phủ ban hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 đã có quy định về HĐĐT. Đặc biệt, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng HĐĐT khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ đã đưa HĐĐT được áp dụng chính thức ở nước ta. Trong quá trình triển khai thực hiện HĐĐT, Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 1209/QĐ-BTC ngày 23/6/2015 về việc thí điểm sử dụng HĐĐT có mã xác thực của cơ quan thuế khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ đối với các DN. Tuy nhiên, ngày 14/12/2016, Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 2660/QĐ-BTC về việc gia hạn thời gian thực hiện Quyết định số 1209/QĐ-BTC.

Ngày 12/9/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 119/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về phạm vi, đối tượng áp dụng HĐĐT, được coi là cơ sở hành lang pháp lý quan trọng thúc đẩy tiến trình áp dụng HĐĐT tại Việt Nam. Theo đó, DN bắt buộc sử dụng HĐĐT từ ngày 1/11/2020 khi bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Để nâng cao tính pháp lý của việc sử dụng, quản lý hóa đơn, chứng từ, Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã bổ sung 1 chương quy định về hóa đơn, chứng từ điện tử với nguyên tắc khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập HĐĐT (HĐĐT có mã của cơ quan thuế hoặc HĐĐT không có mã của cơ quan thuế) để giao cho người mua theo định dạng chuẩn dữ liệu. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, cần phải mở rộng phạm vi áp dụng và cải tiến quy trình quản lý biên lai, chứng từ theo phương thức điện tử cho phù hợp. Do đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 123/2020/NĐ-CP thay thế cho Nghị định số 119/2018/NĐ-CP với một số điểm mới phù hợp hơn. Và Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư 78/2021/TT-BTC

hướng dẫn thực hiện Nghị định 123/2020/NĐ-CP. Theo đó, từ 1/7/2022, toàn bộ DN, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh bắt buộc thực hiện HĐĐT (trừ một số đối tượng là DN nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ, cá nhân kinh doanh không giao dịch với cơ quan thuế bằng phương tiện điện tử, ...). Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để chuyển đổi phương thức quản lý, sử dụng HĐĐT, giúp tiết kiệm chi phí cho DN, xã hội, nâng cao hiệu quả quản lý cho cả DN và cơ quan thuế.

### ***3.2. Tình hình thực hiện hóa đơn điện tử ở Việt Nam thời gian qua***

Sau hơn 10 năm kể từ khi Nghị định số 51/2010/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, tình hình triển khai sử dụng HĐĐT đã đạt được những kết quả nhất định. Theo thống kê từ Tổng cục Thuế, số lượng DN sử dụng HĐĐT đã tăng dần qua các năm, đặc biệt tăng nhanh vào những năm gần đây. Chỉ từ 30 DN sử dụng HĐĐT năm 2011, 44 DN năm 2012 thì đến năm 2015 là 331 DN, năm 2016 là 656 DN, năm 2017 là 3.000 DN và đến năm 2021 là 550.000 DN. Số lượng HĐĐT được sử dụng tăng lên mạnh mẽ từ 158.141 hóa đơn năm 2012 lên 277,98 triệu hóa đơn năm 2016, 601 triệu hóa đơn năm 2017 và 2,3 tỷ hóa đơn năm 2020. Tỷ trọng HĐĐT trong tổng số hóa đơn được sử dụng tăng dần qua các năm: từ 0,003% năm 2012 lên 12,97% năm 2017 và 50% năm 2020. Các DN tiên phong trong việc chuyển đổi sử dụng HĐĐT là các DN lớn, có ưu thế về hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin như: Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tập đoàn Viễn thông Quân đội, Tổng công ty Hàng không Việt Nam, Công ty Vận tải đường sắt Sài Gòn-Hà Nội,...

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của việc triển khai HĐĐT, thời gian qua, Tổng cục Thuế đã nỗ lực, quyết tâm, triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, nội dung công việc nhằm sớm đưa HĐĐT vào cuộc sống. Dự báo sẽ gặp những khó khăn nhất định trong quá trình chuẩn bị triển khai áp dụng bắt buộc HĐĐT nên Chính phủ cho phép thực hiện theo 2 giai đoạn: Giai đoạn 1 từ tháng 11/2021 đến 3/2022, áp dụng HĐĐT tại 6 tỉnh, thành phố gồm: Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bình Định, Phú Thọ; Giai đoạn 2 từ tháng 4/2022 đến tháng 7/2022, áp dụng trên phạm vi cả nước gồm 57 tỉnh, thành phố còn lại. Đồng thời, Tổng cục Thuế thành lập 7 Trung tâm điều hành HĐĐT với Trung tâm chính đặt tại cơ quan Tổng cục Thuế và 6 Trung tâm đặt trực tiếp tại 6 Cục Thuế với nhiệm vụ trực tiếp điều hành hệ thống HĐĐT và tiếp nhận kịp thời những vướng mắc để hỗ trợ kịp thời.

Ngày 21/11/2021, Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính tổ chức Lễ kích hoạt bấm nút chính thức triển khai hệ thống HĐĐT. Để thực hiện được mục tiêu đã đặt ra, Tổng cục Thuế đã thường xuyên tổ chức họp giao ban, đánh giá kết quả thực hiện triển khai HĐĐT, trao đổi, thảo luận và xử lý các vướng mắc trong quá trình tổ chức triển khai; Tổ chức các cuộc họp trực tuyến tại Trung tâm Điều hành triển khai HĐĐT của Tổng cục Thuế với 6 cục Thuế triển khai giai đoạn 1 và 20 tổ chức nhận, truyền và lưu trữ dữ liệu HĐĐT cùng 71 tổ chức cung cấp giải pháp nhằm tháo gỡ kịp thời những khó khăn vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai HĐĐT. Bên cạnh đó, Tổng cục Thuế cũng đã triển khai, mở rộng các kênh tiếp nhận và xử lý yêu cầu hỗ trợ của DN như: Hotline, Email, Website, 479 kênh hỗ trợ NNT, Chatbot, Zalo... xây dựng hệ thống hỏi đáp tự động về HĐĐT dựa trên công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ NNT trong quá trình triển khai, áp dụng. Theo số liệu thống kê, chỉ sau 1 tháng triển khai hệ thống HĐĐT theo quy định mới, đến ngày 21/12/2021 đã có 263.182 DN đăng ký áp dụng HĐĐT, chiếm 71% tổng số DN, tổ chức kinh tế của 6 tỉnh, thành phố đáp ứng sử dụng HĐĐT theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Báo cáo của Tổng cục Thuế cũng cho thấy, tính đến ngày 20/12/2021, tổng số hóa đơn có mã đã nhận của 6 cục thuế là 1.707.871 hóa đơn, trong đó đã cấp mã 1.702.069, không đủ điều kiện cấp mã là 5.802. Số hóa đơn không mã gửi đầy đủ nội dung tính đến 16h ngày 20/12/2021 của 6 cục thuế là 77.820 hóa đơn.

### ***3.3. Những vấn đề đặt ra trong quá trình áp dụng HĐĐT ở Việt Nam***

Quá trình áp dụng HĐĐT ở nước ta đã bước đầu đạt được những kết quả đáng ghi nhận, số lượng

các chủ thể sử dụng và số hóa đơn phát hành ngày càng tăng. Mặc dù, lợi ích mang lại từ việc sử dụng HĐĐT là thấy rõ nhưng để thay thế hoàn toàn hóa đơn giấy trong điều kiện kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay còn nhiều vấn đề đặt ra cần giải quyết, cụ thể:

*Thứ nhất*, chi phí vận hành HĐĐT cao hơn nhiều so với việc sử dụng hóa đơn tự in. Để có thể áp dụng HĐĐT, DN cần có hệ thống máy móc và trang thiết bị đảm bảo cho việc vận hành và sử dụng hóa đơn này. DN cần đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật tốt bao gồm hệ thống quy trình từ khởi tạo, lập, gửi, nhận, lưu trữ, sửa đổi và quản lý tự động trên môi trường internet, thay thế cho quy trình tạo, xuất hóa đơn giấy trước đây. Tuy nhiên trong thực tế, không phải DN nào cũng sẵn sàng đáp ứng được yêu cầu về mặt hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin do không đủ năng lực tài chính. Không có nhiều DN cung cấp dịch vụ HĐĐT có đủ quy mô và năng lực cung cấp dịch vụ trên phạm vi rộng, đặc biệt là ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Trong quá trình sử dụng, không ít DN gặp phải trục trặc như hóa đơn di chuyển không đúng địa chỉ, hệ thống cấp hóa đơn bị lỗi...

*Thứ hai*, DN gặp khó khăn trong việc kết nối hệ thống giữa phần mềm HĐĐT với phần mềm bán hàng và phần mềm kế toán của DN để tạo thuận lợi cho việc sử dụng HĐĐT. Bởi, không phải phần mềm HĐĐT nào cũng hỗ trợ việc tích hợp với các phần mềm bán hàng, phần mềm kế toán. Nếu DN sử dụng phần mềm bán hàng và kế toán cung cấp bởi đơn vị nước ngoài hoặc phần mềm trong nước chưa hỗ trợ kết nối với phần mềm HĐĐT thì sẽ rất khó kết hợp, điều chỉnh để tương thích, khiến việc tích hợp không dễ dàng và tốn kém rất nhiều chi phí.

*Thứ ba*, cần có hệ thống nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao để am hiểu và vận hành HĐĐT. Tuy nhiên, hiện nay ở Việt Nam, số lượng các DN nhỏ và vừa chiếm đa số nên chưa đảm bảo yêu cầu về nguồn nhân lực. So với các DN lớn thì DN nhỏ và vừa có nhiều hạn chế về nguồn lực như nguồn lực về tài chính, về con người. Đây chính là những lý do mà các DN nhỏ và vừa thường chậm triển khai các hệ thống công nghệ thông tin hiện đại. Mặc dù các DN nhỏ và vừa đóng vai trò tạo ra công ăn việc làm và đóng góp đáng kể cho nền kinh tế quốc gia, nhưng với nguồn lực hạn chế nên khó có thể thích ứng kịp thời với những thay đổi.

*Thứ tư*, tâm lý ngại thay đổi do tập quán và thói quen cũng là một rào cản không nhỏ. Việc sử dụng hóa đơn giấy đã trở nên quá thông dụng và tiện lợi đối với cả người mua và người bán nên khi phải chuyển đổi qua hình thức mới sẽ gặp nhiều khó khăn. Mặc dù đã biết nhiều lợi ích của HĐĐT nhưng nhiều DN vẫn chưa tự nguyện chuyển đổi sang HĐĐT mà vẫn còn đang thực hiện theo lộ trình chuyển đổi theo yêu cầu của cơ quan thuế. Chưa kể những DN làm ăn không minh bạch, muốn lợi dụng khe hở của cách quản lý cũ để gian lận thuế nên trì hoãn việc triển khai HĐĐT. Ngoài ra, hiện nay thói quen sử dụng tiền mặt của người dân cũng là một hạn chế, dẫn tới HĐĐT chậm được áp dụng và triển khai trên quy mô lớn.

#### **4. Một số giải pháp nhằm đẩy mạnh áp dụng hóa đơn điện tử ở Việt Nam**

Nhằm đẩy mạnh áp dụng HĐĐT ở Việt Nam trong thời gian tới cần thực hiện một số giải pháp sau:

*Một là*, cần có các chính sách hỗ trợ chi phí cho DN chuyển đổi sang HĐĐT giống như một số nước trên thế giới đã làm. Đặc biệt là hỗ trợ, giúp đỡ cho các DN nhỏ và vừa ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn như hỗ trợ chi phí đầu tư trang thiết bị ban đầu, chi phí đào tạo nguồn nhân lực... để họ có điều kiện triển khai áp dụng HĐĐT. Có thể xây dựng chính sách hỗ trợ đặc thù cho khu vực DN nhỏ và vừa, cũng như các hộ kinh doanh vì đây là khu vực chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế quốc dân. Cục Thuế các tỉnh, thành phố cần tập trung rà soát, phân loại người nộp thuế là DN, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh trên địa bàn để thực hiện việc hỗ trợ kịp thời, sâu sát đến người nộp thuế; sẵn sàng chuẩn bị điều kiện về cơ sở hạ tầng và giải pháp CNTT để thực hiện việc lập, chuyển dữ liệu HĐĐT đến cơ quan thuế. Ngoài ra, có thể áp dụng cơ chế khuyến khích áp dụng HĐĐT của một số quốc gia như

cho phép giảm trừ vào nghĩa vụ thuế một số tiền nhất định cho mỗi HĐĐT được sử dụng, giảm thủ tục hành chính khi sử dụng HĐĐT hoặc ưu tiên hoàn thuế GTGT cho những DN tích cực áp dụng HĐĐT...

*Hai là*, tiêu chuẩn của các giao dịch điện tử cũng như phần mềm hóa đơn là phải đảm bảo yêu cầu liên thông, bảo mật và có khả năng phát triển. Để hạn chế sự phụ thuộc giữa các phần mềm bán hàng, kế toán, phần mềm quản trị DN với phần mềm khởi tạo HĐĐT, cũng như giảm chi phí đồng bộ hóa cơ sở dữ liệu của DN thì các nhà cung cấp giải pháp CNTT phải xây dựng phần mềm khởi tạo HĐĐT có tính hoạt động độc lập với các phần mềm quản trị DN, không phụ thuộc vào bất kỳ ứng dụng nào khác.

*Ba là*, các cơ quan quản lý thuế và DN cần có kế hoạch triển khai đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn đáp ứng yêu cầu trong quản lý HĐĐT. Đối với các DN, để có thể sử dụng tốt công nghệ về HĐĐT, DN cần chuẩn bị nguồn nhân lực có những hiểu biết về HĐĐT, phần mềm HĐĐT, lựa chọn nhà tư vấn phù hợp. DN cũng cần trang bị kiến thức về CNTT và thường xuyên kiểm tra tình hình phát hành hóa đơn để phòng tránh các rủi ro có thể xảy ra. Đồng thời, các cơ quan quản lý thuế cần phối hợp với các nhà cung cấp giải pháp CNTT tổ chức nhiều hội nghị, buổi tập huấn, đào tạo để giúp DN, tổ chức, hộ kinh doanh làm quen với việc sử dụng phần mềm HĐĐT.

*Bốn là*, đẩy mạnh tuyên truyền rộng rãi về lợi ích của việc áp dụng HĐĐT thông qua các phương tiện thông tin đại chúng để DN, người dân hiểu rõ hơn những lợi ích mà HĐĐT mang lại. Bên cạnh đó, cơ quan thuế cần đẩy mạnh sử dụng mạng xã hội như Facebook, Twitter, YouTube để tuyên truyền thông tin đến người nộp thuế. Chủ động tiếp nhận những vướng mắc, bất cập mà DN đưa ra để kịp thời có hướng giải quyết phù hợp, tạo thuận lợi cho việc sử dụng HĐĐT, giúp HĐĐT trở thành một giải pháp tốt nhất cho hoạt động kinh doanh của DN trong thời đại 4.0. Đồng thời, tuyên truyền về tính pháp lý và các nội dung quản lý, sử dụng HĐĐT nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy, thói quen của DN, người dân về HĐĐT.

*Năm là*, cần xây dựng cơ chế xử phạt cụ thể đối với những trường hợp không chấp hành áp dụng HĐĐT theo quy định. Có thể tham khảo cách thức xử lý của Hàn Quốc: hành vi không lập HĐĐT, người bán bị phạt 2% trên giá trị giao dịch, người mua không được khấu trừ thuế. Nếu lập hóa đơn trong chu kỳ khai thuế nhưng sau thời gian quy định của ngày lập (sau ngày mùng 10 tháng sau), người bán, người mua đều bị phạt 1% giá trị giao dịch. Nếu lập hoá đơn nhưng không cung cấp hàng hóa dịch vụ thì cả người bán và người mua đều bị phạt 2% giá trị giao dịch...

## **5. Kết luận**

Việc chuyển đổi giao dịch từ hóa đơn giấy sang HĐĐT là yêu cầu tất yếu của một hệ thống thương mại hiện đại, minh bạch. HĐĐT mang lại nhiều lợi ích cho DN, cơ quan quản lý và xã hội nhưng cũng mang lại những thách thức không nhỏ trong điều kiện nền kinh tế xã hội ở nước ta. Để HĐĐT trở nên phổ biến, cần có sự chỉ đạo quyết liệt của cơ quan quản lý, sự nỗ lực, quyết tâm của các DN và sự thay đổi tư duy nhận thức của người dân Việt Nam. Trong đó, ngành thuế cần phải chủ động, tăng cường triển khai đồng bộ mọi biện pháp, giải quyết kịp thời những vấn đề đang tồn tại để đảm bảo triển khai HĐĐT hiệu quả, đúng tiến độ và yêu cầu của Chính phủ đề ra.

---

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Tài chính (2011), *Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 hướng dẫn về khởi tạo, phát hành, sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*
2. Chính phủ (2018), *Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/09/2018 quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*
3. Chính phủ (2020), *Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn chứng từ.*
4. Tổng cục Thuế (2017), *Báo cáo kinh nghiệm quốc tế về áp dụng hóa đơn điện tử.*
5. Website: <https://tapchitaichinh.vn>; <https://thoibaotaichinhvietnam.vn>; <https://mof.gov.v>